TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 7 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Triều.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Quang Vinh;
2. Bà Võ Thị Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 và ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 87/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2022; về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Thùy L, sinh năm: 1995 *(có mặt)*.
Địa chỉ: Ấp Th, xã Th, huyện B, tỉnh Long An .
- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1991 *(vắng mặt)*.
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Thùy L trình bày: Chị và anh Phạm Văn T quen biết tự tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2012, đến ngày 10/9/2014 anh chị đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến giữa năm 2018 phát sinh mâu thuẫn với nhau.

Nguyên nhân khi cùng làm thuê mướn tại huyện B, tỉnh Long An thì chỉ có chị đi làm tạo thu nhập cho gia đình, còn anh T thì không đi làm, mà thường xuyên tụ

tập bạn bè bên ngoài ăn chơi. Đầu năm 2019, do chị L đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi nên chị bỏ đi nơi khác và sống ly thân với anh T đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn tình cảm được; đồng thời, anh T còn sử dụng trái phép chất ma túy, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện năm 2020. Hiện nay chị không còn tình cảm với anh T, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T theo quy định.

Về con chung: Có 02 người con là cháu Phạm Ngọc Q, sinh ngày 06/10/2012 hiện chị đang nuôi dưỡng; riêng cháu Phạm Quỳnh Nh, sinh ngày 26/7/2016 hiện anh T đang nuôi dưỡng từ ngày ly thân đến nay.

Nay chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, chị không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; chị thống nhất giao cháu Nh cho anh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi, chị không thống nhất cấp dưỡng nuôi con vì đang nuôi dưỡng cháu Q.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Phạm Văn T*: Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ theo quy định gồm Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra giao nộp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra giao nộp công khai tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa.

Nhưng đến nay anh T vẫn cố tình vắng mặt (không có lý do), không đến Tòa án để tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nội dung tranh chấp giữa chị Trần Thị Thùy L và anh Phạm Văn T làm phát sinh "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại các Điều 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định pháp luật; về thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã tống đạt hợp lệ theo quy định cho anh T gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra giao nộp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra giao nộp công khai tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa; nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt, không đến tham gia tố tụng tại Tòa án theo quy định.

Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị cưỡng ép hoặc lừa dối; anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T theo quy định pháp luật.

Đối với anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định, nhưng trong suốt quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn cố tình vắng mặt (không có lý do), nên không có văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án xem xét giải quyết.

Xét thấy, chị L và anh T ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay là 03 năm không có hàn gắn tình cảm lại được; nguyên nhân do lỗi ở anh T trong thời gian chung sống thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi bên ngoài không lo làm ăn, chăm sóc gia đình và sử dụng trái phép chất ma túy, chị L đã nhiều lần khuyên can nhưng anh T không thay đổi.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T, là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*.

Vì vậy, căn cứ vào quy định trên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thùy L đối với anh Phạm Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Cháu Phạm Ngọc Q, sinh ngày 06/10/2012 hiện đang sống với chị L, cháu Phạm Quỳnh Nh, sinh ngày 26/7/2016 hiện đang sống với anh T.

Chị L yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; chị L thống nhất giao cháu Nh cho anh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi và chị L khỏi phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, còn anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh. Từ khi chị và anh T ly thân từ năm 2019 đến nay, chị L đã làm tròn nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu Q, hiện nay chị L đang có thu nhập ổn định đủ để nuôi dưỡng cháu Q; anh T cũng đã làm tròn nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nh. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, về việc yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc Q và thống nhất giao cháu Phạm Quỳnh Nh cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Do đó, giao cho chị L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc Q, đến khi cháu Q đủ 18 tuổi; anh T khỏi phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L không có yêu cầu; giao cho anh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Quỳnh

Nh, đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi; chị L khỏi phải cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay, chị L thống nhất để chị và anh T tự thỏa thuận giải quyết với nhau, nếu không được thì sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác, hiện nay không có yêu cầu Tòa án giải quyết; do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết, là phù hợp theo quy định pháp luật.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L đối với anh T, về việc ly hôn và nuôi con theo quy định pháp luật.

Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39 và Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thùy L đối với anh Phạm Văn T.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thùy L đối với anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị L; giao cho chị L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc Q, sinh ngày 06/10/2012 đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, anh T khỏi phải cấp dưỡng nuôi cháu Q, do chị L không có yêu cầu cấp dưỡng.

Giao cho anh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Quỳnh Nh, sinh ngày 26/7/2016 đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi, chị L khỏi phải cấp dưỡng nuôi cháu Nh.

Chị L, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, để chị và anh T tự thỏa thuận giải quyết với nhau, nếu không được thì sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trần Thị Thùy L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn, được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo theo ký hiệu biên lai thu 14BE-21 số: 0001491 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

- Anh Phạm Văn T không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án; anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao (bản án) hoặc kể từ ngày Tòa niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS H. Thanh Bình;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thành Triều